



# Gọi nhau bằng “tiếng miền Tây”

NGUYỄN MINH HAI

(st)

“TIẾNG MIỀN TÂY” THÌ CHỈ LÀ MỘT CÁCH NÓI, NHƯ CHÚNG TA VẪN HAY QUEN GỌI “TIẾNG HUẾ”, “TIẾNG QUẢNG”... VẬY. ĐÓ LÀ CÁC TỪ, CÁC TIẾNG, CÁC CÁCH PHÁT ÂM THƯỜNG DÙNG CỦA NGƯỜI MIỀN TÂY NAM BỘ, CHỮ KHÔNG HOÀN TOÀN LÀ MỘT NGÔN NGỮ KHÁC BIỆT SO VỚI TIẾNG VIỆT PHỔ THÔNG.

BÀI VIẾT NÀY CHỈ NÓI VỀ CÁCH XUNG HỒ.

Ở ngôi thứ nhất, chúng ta quen tự xưng mình là *tôi* với mức độ trung tính, tự gọi là *em* nếu bản thân ở vai em với người nói hoặc biểu thị sự khiêm nhường, tự gọi là *anh* biết mình đúng là anh hoặc biết chắc mình lớn tuổi hơn người đang nói chuyện; ngoài ra còn có thể tự xưng là *cháu*, là *con*, là *cậu*, là *đi*, là *cô*, là *bác*... nếu mình đang đóng vai đó. Ở miền Tây, trước đây, *qua* là một đại từ được dùng khá phổ biến; đây là từ người lớn (là đàn ông) dùng để tự xưng một cách thân mật với người nhỏ (người vai em, vai dưới), hoặc cách tự xưng có đôi chút tính chất khách quan, nhưng thân tình. Ca dao có câu: “*Qua như chim nọ đường bay/ Em như cá nọ mắc rày lưới giăng*”; “*Chim kêu riu rít trên cành/ Qua không bỏ bậu, sao bậu đành bỏ qua?*”; “*Qua không ham rộng ruộng lớn vườn/ Ham vì nhân ngãi, cang thường mà thôi*”...

Có một từ tự xưng nữa cũng rất độc đáo. Đó là từ *cưng*. Một số người không quen xưng *em* với anh chị hoặc người lớn ở ngang người vai anh chị mà lại tự gọi là *cưng*. Trong trường hợp này, người nói thể hiện rõ sự “nhỏ em” với người nghe và hàm ý khiêm tốn; đặc biệt, từ này thường được phụ nữ trẻ tuổi dùng. Thí dụ: “*Bữa trước cưng qua nhà thăm dì mà không gặp chị*”. Trong tình huống này, người nói (có thể là một thiếu nữ) sau khi gặp người (vai) chị đã kể lại chuyện mình đã đến nhà dì (mà cũng là nhà chị) nhưng không gặp chị ở nhà.

*Cưng* cũng là tiếng dùng ở ngôi thứ hai, khi một người khác lớn hơn gọi một người nhỏ hơn, cả nam lẫn nữ, với thái độ thân mật, gần gũi, triu mến. Đôi khi, *cưng* được dùng với thái độ cố tỏ ra thân mật chứ không chỉ phân biệt lớn nhỏ, đặc biệt là trong trường hợp lần đầu quen biết. Chẳng hạn, “*Cưng cho chị hỏi mấy giờ rồi?*”. *Cưng* trong trường hợp này có thể thay bằng *em*, nhưng *em* thì chỉ mang ý cho biết người hỏi lớn hơn chứ không mang đậm sắc thái biểu cảm, dù khi mới gặp chưa có sự thân mật nào cả.

Còn các cách tự xưng khác cũng có nét riêng biệt. *Tôi* là cách nói phổ biến nhưng một số người lại quen dùng *tui* hơn. Đó là cách xưng hô của người nói khi tiếp chuyện với những đối tượng ngang bằng, hoặc nhỏ hơn, là cách xưng hô thường có nét dân dã, quê mùa, đôi khi làm người nghe có cảm giác thô, không được lịch sự trân trọng. Nếu người nghe để ý trong vở cải lương *Lan và Điệp* sẽ thấy rõ những lần nhân vật Lan xưng *tui*, như các câu: “*Tui đâu có buồn, tui vui lắm chớ... người ta đi lo cái chuyện công danh mà, tui đâu có cần chi...; Chiều nay người ta lại phải đi xa, tui lại thấy buồn, thấy nhớ; Hồi đó mình nhỏ xíu chưa biết gì, nhưng không biết người ta có quên hôn, chớ tui thì tui vẫn nhớ...*”. Chữ *tui* này thể hiện nét quê mùa, mộc mạc pha lẫn sự e ấp của cô Lan đối với chàng Điệp, khi hai người “tình trong như đã mặt ngoài còn e”. Nhân vật Điệp thì xưng là *tôi* chứ không phải *tui*.

*Tui* cũng được dùng trong ngôn ngữ của miền ngoài.

Tiếng tự xưng *tao* ở miền Tây trên thực tế có chút khác so với cách dùng trong tiếng phổ thông

hoặc các miền khác. *Tao* bên cạnh ý coi thường, coi khinh (khi nói với người ngang hàng, người dưới, thậm chí cả với người trên) còn có ý thân tình, thân mật, thể hiện sự gần gũi, chan hòa. *Tao* không hẳn là bỗ bã, hằn học mà nhiều khi chỉ là vô bực của một tình cảm thân thương, nồng nàn, như cha mẹ đối với con cái, ông bà đối với con cháu (nhất là trước đây). Tiếng xưng *tao* dễ bị người miền khác hiểu nhầm là thiếu yêu thương, không biểu thị sự triu mến; kể cả một số vợ chồng vẫn có hiện tượng gọi nhau *mày tao* hoặc chồng xưng *tao* gọi *mày* với vợ (như chuyện *Vợ chồng thuyền Đậu*). Dĩ nhiên, đây là cách gọi trong giao tiếp thông thường, không phải trong nhà trường hay ở cơ quan công quyền...

Trong quan hệ vợ chồng, trước đây, người miền Tây còn tiếng *minh* vô cùng ngọt ngào và thân thương. Trong vở cải lương *Đời cô Lựu*, ngay đoạn đầu, người nghe sẽ nhận ra ngay cô Lựu gọi anh Thành là *minh* và anh Thành cũng gọi cô Lựu lại là *minh*. Ở miền Tây trước đây, vợ chồng hiếm khi gọi nhau *anh - em*, nếu có phần nhiều rơi vào các gia đình trí thức hoặc quan chức. Đôi nào thân mật lắm thì gọi *anh* xưng *tôi* hoặc gọi *em* xưng *tôi*. Có con thì gọi *má* *thằng...* (tên con), *ba/cha* *thằng...* Đứng tuổi thì gọi nhau là *ông - bà*. Cặp đôi nào mà xưng *anh em* thì một số người cho là “nghe mắc cỡ đến nổi gai ốc”. Nên tiếng gọi *minh* vừa thân mật, tình cảm mà không quá kiêu cách, tân kỳ đến mức người nghe nổi ốc! Nên bài hát *Minh ơi* của Minh Vy hay *Thương lắm minh ơi* của Vũ Quốc Việt cũng được viết theo cái tứ đó.

Ngôi thứ hai riêng có của miền Tây là *bậu* - là tiếng gọi người (nữ) tiếp chuyện với mình (khác giới) có ý thương mến, thân mật, thường được dùng trong quan hệ vợ chồng, người yêu. Có người nói *bậu* đi cặp với *qua* nhưng nếu xét trong ca dao Nam bộ, *bậu* có vẻ xuất hiện nhiều hơn *qua* và *bậu* có thể đi với *anh*; phải chăng vì là người nói là đàn ông và nói về người con gái mình thương mình nhớ nên tiếng nói dễ dàng thốt lên hơn? Có thể kể: *Áo vắt vai anh đi thăm ruộng/ Anh có vợ rồi, chẳng chuộng bậu đâu; Lại đây tui biểu chút xíu, bỏ nàng/ Tui biểu lời hơn sự thiệt/ Chớ không phải biểu nàng từ biệt ngôi non/ Ngôi non*

là ngôi nhưn đồng./ Tui không biểu bậu bỏ chống bậu đâu; Bậu nói với qua, bậu không lang chạ./ Bất đặng bậu rồi, đành dạ bậu chưa?; Trách mẹ với cha chứ qua không trách bậu./ Cha mẹ ham giàu gả bậu đi xa; Bướm xa hoa, bướm dật, bướm dờ./ Anh đây xa bậu, dèm chờ ngày trông...

Ở các đại từ ngôi thứ hai khác, như *bay* (bây), *mày*, *tụi bay*, *tụi mày*..., bên cạnh ý mang tính bề trên (đối với người bề dưới), có phần bỗ bã thì cũng như *tao*, người miền Tây có khi dùng với ý thân mật, gần gũi, chứ không phải hoàn toàn mang ý tiêu cực. Thí dụ, thấy mấy đứa cháu bày trò ồn ào, để đồ chơi lung tung, bà nội, bà ngoại có thể nói một câu “mắng yêu”: “*Mấy thằng bay quậy quá nghen!*”. Ở đây, *mấy thằng bay* mang nghĩa tương đương với *tụi bay* nhưng khác *chúng bay* về sắc thái - người miền Tây (và Nam bộ nói chung) hiếm khi dùng từ *chúng bay* và khi ai đó nói từ này thì yếu tố “mắng yêu” gần như không còn được thể hiện rõ nét!

Nét đặc sắc ở việc dùng đại từ nhân xưng của người miền Tây thể hiện rõ trong nhóm các từ ngôi thứ ba. Với *va*, đại từ ngôi thứ ba số ít chỉ người đàn ông được nhắc tới có vai ngang hàng với người nói ở địa vị hoặc ngôi thứ; nếu là người lớn hơn thì người nói cố tình “kéo” người đó xuống ngang với mình; từ này không dùng đối với người thấp vai hơn (thường sẽ thay bằng *nó*). Thí dụ: “*Nhà va nghèo nhứt xóm*”. *Va* ở đây tương đương với *anh*, *anh ấy*, *ông*, *ông ấy*... và là đối tượng đã được nhắc đến trong lời nói trước đó. Nếu dùng từ *anh*, ta thấy rõ có ý tôn trọng (khi nhắc đến một người nghèo bằng thái độ tôn trọng thì hẳn là có lòng thương quý); nếu nói *ông* thì ta hiểu rằng người này có vai lớn hơn người nói, nhưng khi đổi qua *va* thì ta biết người này đã bị “kéo xuống” rồi. Và trong Nam, hiếm khi ai đó dùng từ *anh ấy*, *ông ấy*.

*Tay* là một từ đặc sắc khác. Có khi người ta nhầm với nghĩa trong cụm *tay anh chị* - được hiểu là người có khả năng về một mặt hoạt động nào đó (thường hàm ý chê hoặc không coi trọng), chẳng hạn: “*Hắn không phải là một tay vừa đâu!*”. Trên thực tế, ở miền Tây, người ta hay dùng từ *tay* với nghĩa nhắc đến một người (đàn ông) đã được đề

cập trước và mang ý thiếu tích cực (coi thường hoặc chê bai). Thí dụ: “*Tay đó sát cá dũ lắm!*”. *Tay* ở đây tương đương với *hắn*, *gã đó*, *thằng đó*... nhưng có màu nói giảm đi. Ở câu này, ta hiểu người nói không thực sự tôn trọng người được nhắc đến và dường như có vẻ ghen tỵ hoặc không ưa.

Ở mức độ thiếu tôn trọng, coi thường hoặc ghét hơn, người nói có thể dùng *thằng chà*, *hắn ta*... (với đàn ông) và *mẹ đó*, *nhỏ đó*... (với đàn bà).

Bên cạnh đó, người miền Tây còn pha trộn một số từ mượn từ các dân tộc khác, như gọi *bòn* (anh, ngôi thứ hai, mượn từ tiếng Khmer), *chế* (chị), *cố* (anh), *y* (dì, đều mượn từ tiếng Hoa)...

Còn một nét khác nữa, đó là xu hướng thân bên ngoại hơn. Hiện nay vẫn còn, nhưng đậm hơn ở miền Tây, về Sài Gòn đến miền Đông thì nhạt hơn cho đến ngược lại, thiên về bên nội. Về miền Tây, đi mua đồ, người ta thường gọi: “*Dì ơi, bán cho con mớ hành!*”; người bán vé số sẽ mời: “*Cậu ơi, mua con tờ vé số*”; muốn hỏi thăm đường, người ta hay hỏi: “*Ngoại ơi, đường về ấp Một queo bên nào?*”... mà ít kêu *cô ơi*, *chú ơi*, *nội ơi*... Hình như trong quan niệm truyền thống của người miền Nam, nhất là người miền Tây, bên ngoại gần hơn, thân thiết hơn bên nội; ngay cả cách gọi người nhỏ hơn theo lối đó: *cậu em* (hoặc chỉ gọi là *cậu*) để giao tiếp với người đàn ông thấy nhỏ tuổi hơn mình, *dì nhỏ* (hoặc chỉ gọi là *dì*) với người phụ nữ thấy nhỏ tuổi hơn mình. Nếp sống đó cũng được đúc kết trong câu “*cháu bà nội tội bà ngoại*”, vì người con gái sau khi lấy chồng, lúc sinh con thường về bên cha mẹ ruột để “*nằm cũ*”, thay vì ở bên nhà chồng, chắc ngoài lý do mẹ ruột tận tình, chu đáo hơn còn có quan niệm về “*nội ngoại*” nữa...

Có thể thấy, người miền Tây dùng đại từ nhân xưng khá tinh tế, có phân biệt rõ vai vế, thứ bậc, tình cảm, thái độ. Phần nhiều các từ mang tính khiêm nhường, nói giảm nói tránh nhưng bộc lộ khá rõ biểu cảm của người nói mà không khách sáo, làm màu. Cách gọi đó phản ánh một lối sống giàu tình cảm nhưng khoáng đạt mà cũng rất rạch ròi, dứt khoát. Phải chăng, “*tiếng miền Tây*” trong cách gọi nhau cũng là một nét văn hóa đặc sắc, riêng có của người vùng này? □